UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/ QĐ-SKHCN

Bình Dương, ngày 11 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-STC ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ (theo Biểu số 4 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Việt Long

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương
Chương: 417

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày / /2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				
					Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm Ứng dụng TBKH& CN	Trung tâm KT TCĐLCL	Trung tâm TT&TK KH&CN
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
A	**Quyết toán thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí**								
I	**Số thu phí, lệ phí**	**344.325.000**	**344.325.000**	**0**	**327.975.000**	**16.350.000**			
1	**Lệ phí**	**20.750.000**	**20.750.000**	**0**	**4.400.000**	**16.350.000**			
	Lệ phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	4.400.000	4.400.000	0	4.400.000				
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận công bố hợp chuẩn/ hợp quy	16.350.000	16.350.000	0		16.350.000			
2	**Phí**	**323.575.000**	**323.575.000**	**0**	**323.575.000**				
	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	243.575.000	243.575.000	0	243.575.000				
	Phí thẩm định HĐ chuyển giao công nghệ	80.000.000	80.000.000	0	80.000.000				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				
					Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm Ứng dụng TBKH& CN	Trung tâm KT TCĐLCL	Trung tâm TT&TK KH&CN
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về KHCN	0	0	0	0				
II	**Chi từ nguồn thu được khấu trừ hoặc để lại**	**116.299.170**	**116.299.170**	**0**	**116.299.170**				
1	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**								
1.1	Chi sự nghiệp KH&CN								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
1.2	**Chi quản lý hành chính**	**116.299.170**	**116.299.170**	**0**	**116.299.170**				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	116.299.170	116.299.170	0	116.299.170				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**81.286.250**	**81.286.250**	**0**	**64.936.250**	**16.350.000**			
1.1	**Lệ phí**	**20.750.000**	**20.750.000**	**0**	**4.400.000**	**16.350.000**			
	Lệ phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	4.400.000	4.400.000	0	4.400.000				
	Lệ phí cấp giấy	16.350.000	16.350.000	0		16.350.000			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				
					Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm Ứng dụng TBKH& CN	Trung tâm KT TCĐLCL	Trung tâm TT&TK KH&CN
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
	chứng nhận công bố hợp chuẩn/ hợp quy								
1.2	**Phí**	**60.536.250**	**60.536.250**	**0**	**60.536.250**				
	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	36.536.250	36.536.250	0	36.536.250				
	Phí thẩm định HĐ chuyển giao công nghệ	24.000.000	24.000.000	0	24.000.000				
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về KHCN	0	0	0	0				
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**13.966.127.543**	**13.966.127.543**	**0**	**9.157.676.176**	**1.949.919.183**	**80.212.390**	**343.077.812**	**2.435.241.982**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**13.966.127.543**	**13.966.127.543**	**0**	**9.157.676.176**	**1.949.919.183**	**80.212.390**	**343.077.812**	**2.435.241.982**
1	**Chi quản lý hành chính**	**7.526.872.912**	**7.526.872.912**	**0**	**4.811.498.237**	**1.949.919.183**			**765.455.492**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.253.623.942	6.253.623.942	0	4.158.800.897	1.329.367.553			765.455.492
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.273.248.970	1.273.248.970	0	652.697.340	620.551.630			
2	**Chi sự nghiệp KH&CN**	**6.439.254.631**	**6.439.254.631**	**0**	**4.346.177.939**		**80.212.390**	**343.077.812**	**1.669.786.490**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ								

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				
					Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm Ứng dụng TBKH& CN	Trung tâm KT TCĐLCL	Trung tâm TT&TK KH&CN
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.271.433.640	1.271.433.640	0			80.212.390	302.299.012	848.143.438
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.167.820.991	5.167.820.991	0	4.346.177.939			40.778.800	821.643.052
II	**Nguồn vốn viện trợ**								
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**								